xià bian

下边

f · under

Example Sentences

māo zài zhuō zi xià bian
猫 在 桌 子下 边 。

The cat is under the table.

qǐng bǎ míng zì xiě zài héng xiàn xià bian
请 把 名 字写在 横 线下 边 。

Please write your name under the line.

qiáo xià bian de hé shuǐ zài yáng guāng xià shǎn shǎn fā guāng
桥 下 边 的河 水 在 阳 光 下 闪 闪 发 光 。

The river water under the bridge sparkled in the sunlight.

Trace each character, then write the word on your own.

下 下 下 下 下 下

边 边 边 边 边 边 边 边